| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐỨC LINH**<br>TỈNH BÌNH THUẬN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 63/2025/DS-ST
Ngày: 16-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Mỹ Dung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Đức Binh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Sang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2025/QĐXXST-DS ngày 09/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2025/QĐST-DS ngày 26/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1966; nơi thường trú: Tổ U, thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

Ông Tr chết ngày 28/02/2025 theo Giấy chứng tử số 08/2025 ngày 07/3/2025.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Xuân Tr:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; nơi thường trú: Tổ U, thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B.

2. Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1992;

3. Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1991;

4. Bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, sinh năm 1995;

5. Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 2000;

6. Bà Nguyễn Thị Xuân Th1, sinh năm 2004;

Cùng thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th:

1. Bà Hoàng Thị Bích Ng, sinh năm 1984; Thường trú: Tổ U1, thôn T1, xã N, huyện Đ1, tỉnh B; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

2. Bà Nguyễn Ngọc Bảo K, sinh năm 2002; Thường trú: thôn T2, xã Th, huyện Đ2, tỉnh L; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/02/2025 và văn bản ủy quyền ngày 26/3/2025).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Kim D, sinh năm 1984 và ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1978; cùng nơi cư trú: Số U3, đường T3, tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B.

Bà Ng, bà K, bà H, bà D vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông Ch vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị Bích Ng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng bà Huỳnh Thị Kim D và ông Nguyễn Văn Ch có vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị H và chồng là ông Nguyễn Xuân Tr để phục vụ cho nhu cầu của gia đình. Việc vay mượn có ghi nhận lại trong Giấy mượn tiền có chữ ký xác nhận của bà Huỳnh Thị Kim D. Cụ thể như sau:

Ngày 07/12/2021, vợ chồng bà Huỳnh Thị Kim D đã mượn số tiền là 30.000.000 đồng.

Ngày 22/12/2021, bà D có mượn thêm số tiền 50.000.000 đồng.

Ngày 28/01/2022, bà D mượn thêm 15.000.000 đồng.

Tổng số tiền vợ chồng bà D đã mượn vợ chồng bà H là 95.000.000 đồng.

Vợ chồng bà Nguyễn Thị H đã yêu cầu vợ chồng bà D trả nợ nhiều lần, tuy nhiên vợ chồng bà D luôn hứa hẹn hết lần này đến lần khác, trốn tránh không trả.

Nay, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Xuân Tr khởi kiện buộc bà Huỳnh Thị Kim D và ông Nguyễn Văn Ch có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Xuân Tr số tiền nợ gốc là 95.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 18/3/2022 đến ngày 25/4/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 29.925.000 đồng.

* Tại bản tự khai ngày 16/6/2025, bà Hoàng Thị Bích Ng trình bày: Ngày 07/12/2021, vợ chồng bà Huỳnh Thị Kim D đã mượn số tiền là 30.000.000 đồng. Ngày 22/12/2021, bà D có mượn thêm số tiền 50.000.000 đồng. Tổng số tiền vợ chồng bà D đã mượn vợ chồng bà H là 80.000.000 đồng. Khoản nợ này được vợ chồng bị đơn bà D, ông Ch mượn để phục vụ cho nhu cầu gia đình nên đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông, bà. Vì vậy, cả hai vợ chồng bà D và ông Ch phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho vợ chồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Tổng số tiền nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Kim D và ông Nguyễn Văn Ch có trách nhiệm thanh toán là 89.739.726 đồng, gồm: Tiền gốc 80.000.000 đồng; tiền lãi tính từ ngày 19/3/2022 đến ngày 16/6/2025 với mức lãi suất 10%/năm trên khoản tiền nợ gốc 30.000.000 đồng là 9.739.726 đồng.

Ngoài ra, sau phiên tòa xét xử sơ thẩm đến ngày bản án có hiệu lực mà bị đơn không tự nguyện trả tiền cho nguyên đơn thì bị đơn phải chịu lãi với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 trên khoản tiền nợ còn phải trả tính từ ngày có bản án sơ thẩm có hiệu lực đến ngày thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn.

- Tại các bản tự khai ngày 25/3/2025, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 trình bày: Các ông, bà thống nhất từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định.

Tại bản tự khai ngày 27/4/2025, bà Hoàng Thị Bích Ng và bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 trình bày: Thống nhất ý kiến với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr về việc họ từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác (bao gồm quyền nhận hoàn trả tiền tạm ứng án phí) trong vụ án và giao toàn bộ quyền tài sản, cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án nêu trên cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2025, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị Kim D trình bày: Bà D và ông Nguyễn Văn Ch là vợ chồng. Ngày 07/12/2021, bà D có mượn của bà Nguyễn Thị H số tiền là 30.000.000 đồng, việc mượn tiền không thỏa thuận trả lãi, hẹn 100 ngày sau sẽ trả đủ, mỗi ngày trả 300.000 đồng. Việc mượn tiền có lập giấy do bà H là người ghi, trong giấy chỉ có chữ ký của bà D, ngày ghi giấy là ngày 07/12/2021. Bà H đã giao cho bà D 10.000.000 đồng, số tiền còn lại bà H nói là bán bảo hiểm cho bà D. Bà H có cho bà D ký vào hợp đồng bảo hiểm nhưng không giao cho bà D giữ hợp đồng. Bà D đã thực hiện theo đúng cam kết góp đủ 100 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng cho bà

H. Tuy nhiên bà D sơ suất không nói bà H trả giấy này cho bà D để hủy. Số tiền 10.000.000 đồng bà D dùng để lấy hàng buôn bán lo cho kinh tế gia đình.

Ngày 22/12/2021, bà H có ghi cho bà D 01 giấy mượn tiền, trong đó bà H ghi nội dung là cho bà D mượn 50.000.000 đồng, không thỏa thuận trả lãi, không ghi thời hạn phải trả, bà H chỉ ghi bà D hứa góp đủ. Bà D có ký tên vào giấy. Tuy nhiên, bà H chỉ đưa cho bà D 15.000.000 đồng, đưa làm 03 lần. Số tiền còn lại là 35.000.000 đồng, bà H nói là tiền bán bảo hiểm cho bà D. Tuy nhiên, bà H không đưa cho bà D ký hợp đồng bảo hiểm nào. Số tiền mượn này bà D dùng để lấy hàng buôn bán. Ngày 28/01/2022, bà D lấy hàng bán tết gấp nên có mượn của bà H 15.000.000 đồng, bà D có ghi giấy cho bà H. Tuy nhiên, bà H chỉ đưa cho bà D 10.000.000 đồng.

Nay, bà H, ông Tr khởi kiện tại Tòa án buộc vợ chồng bà D có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Xuân Tr số tiền gồm: Tiền nợ gốc 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng), tiền lãi tính từ ngày 18/03/2022 với mức lãi suất 10%/năm là 26.520.833 đồng (Hai mươi sáu triệu năm trăm hai mươi nghìn tám trăm ba mươi ba đồng), thì bà D có ý kiến như sau: Đây là khoản tiền mượn của cá nhân bà D, chồng bà D không biết gì.

- Đối với tờ giấy mượn 30.000.000 đồng, bà D có nhận 10.000.000 đồng tiền mặt, 20.000.000 đồng tiền bảo hiểm, bà D đã thanh toán hết cho bà H. Vì vậy, bà D không đồng ý trả cho bà H khoản tiền này.

- Đối với tờ giấy mượn 50.000.000 đồng, bà D có nhận 15.000.000 đồng tiền mặt. Bà D chưa trả được cho bà H 15.000.000 đồng này nên đồng ý trả số tiền này cho bà H.

- Đối với tờ giấy mượn 15.000.000 đồng, bà D có nhận 10.000.000 đồng tiền mặt. Bà D chưa trả được cho bà H 10.000.000 đồng này nên đồng ý trả số tiền này cho bà H.

Như vậy, bà D đồng ý trả 25.000.000 đồng tiền gốc cho bà H. Đối với tiền lãi, bà D đồng ý trả tiền lãi trên số tiền 25.000.000 đồng tính từ ngày 18/3/2022 với mức lãi suất 10%/năm.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2025, bà D trình bày: Bà D và ông Nguyễn Văn Ch là vợ chồng, có cùng hộ khẩu số U2, đường T3, tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B.. Trước đây bà D từng mượn tiền bà H như trình bày trong biên bản lấy lời khai tháng 3/2025. Nay, bà D đồng ý trả cho bà H số tiền nợ gốc 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng), tiền lãi tính từ ngày 18/03/2022 với mức lãi suất 10%/năm tính đến ngày xét xử, mỗi tháng trả 1.500.000 đồng trả từ tháng 5 năm 2025, vào ngày 30 hàng tháng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch trong suốt quá trình tố tụng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr; bà Hoàng Thị Bích Ng, bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1, bị đơn bà Huỳnh Thị Kim D chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 26/5/2025 và ngày 16/6/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

+ Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn, bị đơn bà D đều thừa nhận giữa hai bên có quan hệ mượn tiền, số tiền bị đơn mượn là 95.000.000 đồng. Đại diện nguyên đơn trình bày yêu cầu bà D, ông Ch thanh toán số tiền mượn là 80.000.000 đồng, đây là ý kiến của nguyên đơn nên chấp nhận. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 đều trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định. Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc 30.000.000 đồng tính từ ngày 19/3/2025 với mức lãi 10%/năm cho đến khi thanh toán hết nợ là phù hợp. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Huỳnh Thị Kim D và ông Nguyễn Văn Ch có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi với mức 10%/năm trên khoản nợ gốc 30.000.000 đồng kể từ ngày 19/3/2022 đến khi thanh toán xong nợ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr; bà Hoàng Thị Bích Ng, bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1, bị đơn bà Huỳnh Thị Kim D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 26/5/2025 và ngày 16/6/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr chết ngày 28/02/2025 theo Giấy chứng tử số 08/2025 ngày 07/3/2025. Theo bản tường trình quan hệ nhân thân; bản sao Giấy chứng tử số 26/2010, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp ngày 25/10/2010 và bản sao Giấy khai sinh số 473 ngày 14/12/2018 của ông Nguyễn Xuân Tr do nguyên đơn nộp, thì mẹ ông Tr là bà Nguyễn Thị B3 và cha là ông Nguyễn Tr3 đã chết. Như vậy, căn cứ vào 05 bản sao Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp và Giấy chứng nhận kết hôn số 235, quyển số 01 ngày 28/02/1989 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Tr gồm vợ là bà Nguyễn Thị H và 05 người con ruột là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1. Do đó, Tòa án đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tr.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện buộc vợ chồng bị đơn bà Huỳnh Thị Kim D và ông Nguyễn Văn Ch phải thanh toán số tiền là 89.739.726 đồng, gồm: Tiền nợ gốc 80.000.000 đồng; tiền lãi tính từ ngày 19/3/2022 đến ngày 16/6/2025 với mức lãi suất 10%/năm trên khoản tiền nợ gốc 30.000.000 đồng là 9.739.726 đồng.

Nộp kèm là bản chính Giấy mượn tiền có 03 nội dung ngày 07/12/2021, ngày 22/12/2021 và ngày 28/01/2022.

[3] Theo Giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện: *Nội dung 01*: Huỳnh Thị Kim D, sinh 10.4.1984, số CMND W, hôm nay ngày 07.12.2021, chồng Nguyễn Văn Ch, sinh 1978, số CMND W1 có mượn bà H 30.000.000 đồng, góp 100 ngày 01 ngày 300 ngàn. *Nội dung 02*: Hôm nay ngày 22.12.2021, Huỳnh Thị Kim D, Nguyễn V Chung ở tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B. có mượn thêm của bà H số tiền 50.000.000 đồng. Hai nội dung này phía dưới có chữ ký của bị đơn bà Huỳnh Thị Kim D. *Nội dung 03*: Hôm nay ngày 28.1.2022 có mượn Nguyễn Thị H thêm 15.000.000 đồng. Không có chữ ký của bà Huỳnh Thị Kim D.

[3.1] Bà Huỳnh Thị Kim D thừa nhận ngày 07/12/2021, ngày 22/12/2021 và ngày 28/01/2022 có lập và ký Giấy mượn tiền với bà Nguyễn Thị H, nội dung giống như Giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Bà D xác nhận có nợ nguyên đơn bà H, tuy nhiên đã trả được một ít tiền. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2025, bà D đồng ý trả 95.000.000 đồng tiền nợ gốc cho bà H. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 26/5/2025 và ngày 16/6/2025, người đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng.

[3.2] Xét thấy quá trình tố tụng, mặc dù ông Ch không đến tòa án làm việc, không có ý kiến gửi đến Tòa án và giấy mượn tiền do một mình bà D ký kết, nhưng căn cứ vào lời trình bày của bà D thì bà và ông Nguyễn Văn Ch là vợ chồng, bà cung cấp địa chỉ cư trú hiện nay của vợ chồng tại số U2, đường T3, tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B. Bà D cho rằng mục đích mượn tiền để mua bảo hiểm cho bà và để làm ăn buôn bán, như vậy, số tiền mượn dùng để chăm sóc sức khỏe cho bà D và để tạo kinh tế gia đình, là nhu cầu thiết yếu của gia

đình. Từ đó có căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà D, ông Ch theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, do đó, trách nhiệm trả tiền nợ thuộc về cả hai vợ chồng bà D, ông Ch.

[3.3] Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 đều trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định. Như vậy bà D, ông Ch có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ cho nguyên đơn bà H là phù hợp. Từ đó có căn cứ xác định, việc bà H, ông Tr khởi kiện yêu cầu bị đơn bà D, ông Ch thanh toán số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng là có cơ sở theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất:

[4.1] Theo nội dung Giấy mượn tiền ngày 07/12/2021 và sự thừa nhận của hai bên, việc mượn tiền không thỏa thuận tính lãi. Giấy mượn ghi góp 100 ngày. Như vậy, đây là quan hệ vay tiền không có lãi suất, có kỳ hạn. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi là phù hợp.

Số tiền gốc là 30.000.000 đồng mượn ngày 07/12/2021, thời gian góp là 100 ngày, ngày bắt đầu góp là ngày 08/12/2021, vậy ngày hết hạn góp là ngày 17/3/2022. Lãi suất sẽ được tính từ ngày 18/3/2022 đến ngày 16/6/2025 với mức lãi suất 10%/năm. Cụ thể: 30.000.000 đồng x 10%/năm x 03 năm 02 tháng 29 ngày = 9.741.666 đồng.

Người đại diện nguyên đơn xác định số tiền lãi tính từ ngày 19/3/2022 đến ngày 16/6/2025 với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng là 9.739.726 đồng. Mức lãi suất này là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, vì vậy có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Đối với Giấy mượn tiền có 02 nội dung ngày 22/12/2021 và ngày 28/01/2022 không thỏa thuận tính lãi và không hẹn thời gian trả. Như vậy, đây là quan hệ vay tiền không có lãi suất, không có kỳ hạn. Đại diện nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với 02 khoản mượn này, đây là sự tự nguyện của đại diện nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về tạm ứng án phí: Thời điểm đóng tạm ứng án phí, bà H và ông Tr cùng đóng. Tuy nhiên, ngày 28/02/2025, ông Tr chết. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Tr cùng người đại diện hợp pháp của họ trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác (bao gồm quyền nhận hoàn trả tiền tạm ứng án phí) trong vụ án và giao toàn bộ quyền tài sản, cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án nêu trên cho nguyên đơn bà H. Vì vậy, tiền tạm ứng án phí sẽ được trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Kim D và ông Nguyễn Văn Ch phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 74, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 357, 463, 466, 468, Điều 609, Điều 614 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Xuân Tr đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Kim D và ông Nguyễn Văn Ch về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Kim D và ông Nguyễn Văn Ch có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 89.739.726 đồng (Tám mươi chín triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng), gồm: Tiền gốc 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu); tiền lãi tính đến ngày 16/6/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 9.739.726 đồng (Chín triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim D và ông Nguyễn Văn Ch phải chịu 4.487.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

- Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 3.038.000 đồng (Ba triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005155 ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**
- Đương sự (4);
- VKSND huyện Đức Linh (1);
- CC THADS huyện Đức Linh (1);
- TAND tỉnh Bình Thuận (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phan Thị Mỹ Dung**